

**Phụ lục III
Appendix III**

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF
ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/06/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No.21/QĐ-SGDVN on 21/06/2021. of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁNG RAU QUẢ
THE VEGETEXCO PORT JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness**

Số: ~~28~~../TB-CRQ/2026
No.: ~~28~~../TB-CRQ/2026

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2026
Ho Chi Minh city, May 08, 2026

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
/CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302336158 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 05 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/10/2022 do Sở Kế hoạch Đầu tư TPHCM cấp. Chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

Based on the Certificate of business registration No. 0302336158 initially issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on May 25, 2001, and the 13th amendment registered on October 11, 2022, by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. we would like to announce the change in the Certificate of business registration as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁNG RAU QUẢ/THE VEGETEXCO PORT JOINT STOCK COMPANY**
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: VGP
- Địa chỉ/Address: Số 1 Nguyễn Văn Quỳ, Phường Phú Thuận Thành Phố Hồ Chí Minh/ No. 1 Nguyen Van Quy, Phu Thuan Ward, Ho Chi Minh City.
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 028.37731120
- E-mail: vegeprtjco@gmail.com
- Website: <https://vegeport.com.vn>



1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:

1.1 Bỏ ngành, nghề kinh doanh/Abandoning the business lines:

STT /No.	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký/ <i>The business line name has been removed from the registered list.</i>	Mã ngành/Code
1.	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu cây cảnh, gia vị, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu hóa chất; - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ; - Bán buôn hạt nhựa, nguyên phụ liệu ngành nhựa. - Bán buôn tàu biển, container.</p> <p><i>Other specialized wholesale not elsewhere classified</i> <i>Details:</i> - <i>Import and export of ornamental plants, spices, handicrafts, consumer goods, and chemical raw materials;</i> - <i>Wholesale of handicrafts and art products;</i> - <i>Wholesale of plastic granules and raw materials for the plastics industry.</i> - <i>Wholesale of ships and containers.</i></p>	4669
2.	<p>Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: xuất nhập khẩu phương tiện vận tải.</p> <p><i>Wholesale of automobiles and other motor vehicles.</i> <i>Details: Import and export of transport vehicles.</i></p>	4511
3.	<p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất.</p> <p><i>Real estate consulting, brokerage, and auction services; land use right auction services</i> <i>Details: Real estate broker. Real estate services</i></p>	6820
4.	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.</p> <p><i>Construction of other civil engineering works</i> <i>Details: Construction of civil and industrial buildings</i></p>	4290
5.	<p>Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p><i>Logging</i> <i>Details: Logging of planted forests (not operating at the headquarters)</i></p>	0221
6.	<p>Trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p><i>Forest planting and forest care</i> <i>(Not operating at the headquarters)</i></p>	0210

7.	<p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; - Bán lẻ đồ gia dụng bằng nhựa. 	4759
	<p><i>Retail of household electrical appliances, beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture, lamps and electric lighting fixtures, and other household goods not elsewhere classified in specialized stores.</i></p> <p><i>Details:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Retail of beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture;</i> - <i>Retail of plastic household goods.</i> 	
8.	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ</p>	4773
	<p><i>Retail of other new goods in specialized stores</i></p> <p><i>Details: Retail of souvenirs, wickerwork, and handicrafts.</i></p>	
9.	<p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: bán buôn sắt, thép.</p>	4662
	<p><i>Wholesale of metals and metal ores</i></p> <p><i>Details: Wholesale of iron and steel.</i></p>	
10.	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác</p> <p>Chi tiết: Cho thuê tàu biển, thiết bị ngành hàng hải, container.</p>	7730
	<p><i>Rental of machinery, equipment and other tangible goods.</i></p> <p><i>Details: Lease of ships, marine equipment, and containers.</i></p>	
11.	<p>Đại lý, môi giới, đấu giá</p> <p>Chi tiết: đại lý giống rau quả, sản phẩm chế biến từ rau quả, nông hải sản; máy móc thiết bị hàng tiêu dùng.</p>	4610
	<p><i>Agents, brokers, auctioneers</i></p> <p><i>Details: Agents for vegetable and fruit seeds, processed vegetable and fruit products, agricultural and seafood products; machinery, equipment and consumer goods.</i></p>	
12.	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến</p>	4663
	<p><i>Wholesale of other building materials and installation equipment.</i></p> <p><i>Details: Wholesale of building bricks, roof tiles, stone, sand, gravel, paving tiles, and sanitary ware. Wholesale of bamboo, rattan, timber and processed wood.</i></p>	

Ghi chú/Note: Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg/Business lines changed according to Decision No. 36/2025/QĐ-TTg

1.2 Thông tin đăng ký doanh nghiệp/ *Business Registration Information:*

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address:* Số 1 Nguyễn Văn Quý, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/*No. 1 Nguyen Van Quy Street, Phu Thuan Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

- Địa chỉ người đại diện theo pháp luật/*Legal representative's contact address:*

+ Địa chỉ thường trú/*Permanent Address:* 146P Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *146P Nguyen Van Thu Street, Đa Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam*

+ Địa chỉ liên lạc/*Contact Address:* 146P Nguyễn Văn Thủ, Khu phố 19, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/*146P Nguyen Van Thu Street, Quarter 19, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

2. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change:*

2.1 Bổ sung ngành, nghề kinh doanh/*Adding business lines and activities:*

STT /No.	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung/ <i>Name of business lines added</i>	Mã ngành/ <i>Code</i>
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu cây cảnh, gia vị, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu hóa chất; - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ; - Bán buôn hạt nhựa, nguyên phụ liệu ngành nhựa. - Bán buôn tàu biển, container. <i>Other specialized wholesale not elsewhere classified</i> <i>Details:</i> - <i>Import and export of ornamental plants, spices, handicrafts, consumer goods, and chemical raw materials;</i> - <i>Wholesale of handicrafts and art products;</i> - <i>Wholesale of plastic granules and raw materials for the plastics industry.</i> - <i>Wholesale of ships and containers.</i>	4679
2	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Xuất nhập khẩu phương tiện vận tải. <i>Wholesale of automobiles and other motor vehicles.</i> <i>Details: Import and export of transport vehicles.</i>	4661
3	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng <i>Other real estate activities on a fee or contract basis</i>	6829
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. <i>Construction of other civil engineering works</i> <i>Details: Construction of civil and industrial buildings.</i>	4299
5	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng (không hoạt động tại trụ sở) <i>Logging</i> <i>Details: Logging of planted forests (not operating at the headquarters)</i>	0220

3023
ĐANG
PHI
ĐANG
QU
CH

6	<p>Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p><i>Forest planting, forest care, and forestry seedling cultivation. (Not operating at the headquarters)</i></p>	0210
7	<p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; - Bán lẻ đồ gia dụng bằng nhựa. <p><i>Retail of household electrical appliances, beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture, lamps and electric lighting fixtures, and other household goods not elsewhere classified.</i></p> <p><i>Details:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Retail of beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture;</i> - <i>Retail of plastic household goods.</i> 	4759
8	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ</p> <p><i>Retail of other new goods (excluding automobiles, motorcycles, and their accessories)</i></p> <p><i>Details: Retail of souvenirs, wickerwork, and handicrafts.</i></p>	4773
9	<p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: bán buôn sắt, thép.</p> <p><i>Wholesale of metals and metal ores</i></p> <p><i>Details: Wholesale of iron and steel.</i></p>	4672
10	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết: Cho thuê tàu biển, thiết bị ngành hàng hải, container.</p> <p><i>Rental of machinery, equipment and other tangible goods without operators.</i></p> <p><i>Details: Lease of ships, marine equipment, and containers.</i></p>	7730
11	<p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết: đại lý giống rau quả, sản phẩm chế biến từ rau quả, nông hải sản; máy móc thiết bị hàng tiêu dùng.</p> <p><i>Commodity agents, brokers, auctioneers</i></p> <p><i>Details: Agents for vegetable and fruit seeds, processed vegetable and fruit products, agricultural and seafood products; machinery, equipment and consumer goods.</i></p>	4610
12	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến</p> <p><i>Wholesale of other building materials and installation equipment.</i></p> <p><i>Details: Wholesale of building bricks, roof tiles, stone, sand, gravel, paving tiles, and sanitary ware. Wholesale of bamboo, rattan, timber and processed wood.</i></p>	4673



2.2 Cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp/*Update of Business Registration Information:*

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address:* Số 1 Nguyễn Văn Quy, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/*No. 1 Nguyen Van Quy Street, Phu Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

- Địa chỉ người đại diện theo pháp luật/*Legal representative's contact address:*

+ Địa chỉ thường trú: 146P Nguyễn Văn Thủ, Khu phố 19, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/*146P Nguyen Van Thu Street, Quarter 19, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

+ Địa chỉ liên lạc: 146P Nguyễn Văn Thủ, Khu phố 19, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/*146P Nguyen Van Thu Street, Quarter 19, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

3. Lý do thay đổi (nếu có)/*Reason for change (if any):*

- Điều chỉnh và bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty cho phù hợp với các thay đổi tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ban hành ngày 29/9/2025 của Thủ Tướng Chính Phủ/ *To amend and supplement the Company's business lines to align with the changes under Decision No. 36/2025/QĐ-TTg dated September 29, 2025 issued by the Prime Ministe.*

- Cập nhật thông tin địa chỉ trụ sở mới do thay đổi địa giới hành chính/*Update the tax notification mailing address due to administrative boundary changes*

- Cập nhật địa chỉ người đại diện theo pháp luật do thay đổi địa giới hành chính như sau/*Update the legal representative's contact address due to administrative boundary changes as follows*

4. Ngày có hiệu lực/*Effective date:* 08/05/2026

5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/*Receipt date of new certificate of business registration:* 08/05/2026

6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08 /05/2026 tại đường dẫn <https://vegeport.com.vn> /*This information was published on the company's website on 08/05/2026 at <https://vegeport.com.vn>*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Giấy phép hoạt động mới
New Certificate/License

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Quỳnh

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0302336158

Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 05 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 08 tháng 05 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG RAU QUẢ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THE VEGETEXCO PORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VEGEPORTJ CO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 1 Nguyễn Văn Quy, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (08) 37 731 120 - 37 731 121

Số Fax: 8733342

Thư điện tử: *vegeport.j.co @hcm.vnn.vn*

Website:

3. Vốn điều lệ: 82.146.920.000 đồng.

Bằng chữ: Tám mươi hai tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.214.692

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: PHẠM NGỌC QUỲNH

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *26/03/1984*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *034084001625*

Chức danh: *Giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *146P, Nguyễn Văn Thủ, Khu phố 19, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Am lu

Võ Cẩm Tú

Số:



GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở: 90G đường Trần Quốc Toản, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.38.293.179

Số Fax:

Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG RAU QUẢ

Mã số doanh nghiệp: 0302336158

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1610
2	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1080
3	Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở).	2220
4	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất hạt nhựa dạng nguyên sinh (không hoạt động tại trụ sở).	2013
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy chi tiết: Khai thác cảng, phao neo tàu.	5222(Chính)
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh kho bãi, cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà ở	6810
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: xuất nhập khẩu máy móc thiết bị phụ tùng. Bán buôn thiết bị ngành hàng hải.	4659

STT	Tên ngành	Mã ngành
8	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn đồ gia dụng bằng nhựa.	4649
9	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét chi tiết: sản xuất gạch ốp lát, gạch dán tường (không hoạt động tại trụ sở)	2392
10	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác (không hoạt động tại trụ sở)	2393
11	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2394
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng container, vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyên)	4933
14	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
15	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
16	Bán buôn thực phẩm chi tiết: Kinh doanh giống rau quả, sản phẩm chế biến từ rau quả, nông hải sản, Xuất nhập khẩu trực tiếp: rau, hoa quả, giống rau quả; các sản phẩm rau quả, nông, lâm, hải sản.	4632
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu cây cảnh, gia vị, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu hóa chất; - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ; - Bán buôn hạt nhựa, nguyên phụ liệu ngành nhựa. - Bán buôn tàu biển, container.	4679
18	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Xuất nhập khẩu phương tiện vận tải.	4661
19	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ. Bốc xếp hàng hóa. (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
20	Dịch vụ đóng gói chi tiết: đóng gói hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
21	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	6829
22	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng (không hoạt động tại trụ sở)	0220

STT	Tên ngành	Mã ngành
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. (trừ hóa lỏng khí để vận chuyên và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không)	5229
24	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp.	6619
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	4299
26	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	0210
27	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; - Bán lẻ đồ gia dụng bằng nhựa.	4759
28	Điều hành tua du lịch chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.	7912
29	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ	4773
30	Chế biến và bảo quản rau quả chi tiết: Chế biến hàng nông-lâm-hải sản (không chế biến tại trụ sở).	1030
31	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: bán buôn sắt, thép.	4672
32	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống chi tiết: - Mua bán hàng lâm sản; - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	4620
33	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê tàu biển, thiết bị ngành hàng hải, container.	7730
34	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: đại lý giống rau quả, sản phẩm chế biến từ rau quả, nông hải sản; máy móc thiết bị hàng tiêu dùng.	4610
35	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4673

STT	Tên ngành	Mã ngành
36	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: TRƯƠNG THỊ HẢI YẾN Điện thoại: 0983060674
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 1 Nguyễn Văn Quý, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 37731120 Fax: 028 38733342 Email: ketoanvgp2011@yahoo.com.vn
4	Hình thức hạch toán: Hạch toán độc lập
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 34
7	Phương pháp tính thuế GTGT:

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG RAU QUẢ. Địa chỉ:Số 1 Nguyễn Văn Quý, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Lê Ánh Phương.....

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



(Handwritten signature)

Võ Cẩm Tú

**CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION
FOR JOINT STOCK COMPANY**

Business Registration No.: 03023361598

The first registration dated May 25, 2001

The 14th registration for change dated May 08, 2026

1. Tên công ty

Company name in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG RAU QUẢ

Company name in foreign language: THE VEGETEXCO PORT JOINT STOCK COMPANY

Abbreviated company name: VEGEPORTJ CO

2. Head office address:

No. 1 Nguyen Van Quy Street, Phu Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (+84) 28 3773 1120 – 3773 1121

Fax: 8733342

Email: vegeportj.co@hcm.vnn.vn

website:

3. Charter Capital: VND 82,146,920,000

(Eighty-two billion one hundred forty-six million nine hundred twenty thousand Vietnamese Dong)

Par Value per Share: VND 10,000

Total Number of Shares: 8,214,692

4. The legal representative of the Company:

* Full name: PHAM NGOC QUYNH

Gender: *Male*

Date of birth: *26/03/1984*

Nationality: *Vietnamese*

Citizen ID Card No.: *034084001625*

Position: *Director*

Contact address: *146P Nguyen Van Thu Street, Quarter 19, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

FOR AND ON BEHALF OF THE HEAD OF DEPARTMENT
DEPUTY HEAD OF DEPARTMENT

(signed and sealed)

Vo Cam Tu

Ho Chi Minh city, May 08, 2026



CERTIFICATE

Regarding changes in enterprise registration information

BUSINESS REGISTRATION OFFICE: Ho Chi Minh City

Head Office Address: 90G Tran Quoc, Toan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Telephone: 028.38.293.179

Fax:

Email:

Website:

Confirmation:

Enterprise Name: **THE VEGETEXCO PORT JOINT STOCK COMPANY**

Enterprise Code: 0302336158

The enterprise has notified changes in its registration information to the business registration authority.

The enterprise's information has been updated in the National Business Registration Information System as follows: Registered Business Lines

No.	Name of business lines	Code
01	Sawing, splitting, planing, and preserving wood. (Not operating at the headquarters)	1610
02	Production of animal feed, poultry feed, and aquatic feed. (Not operating at the headquarters).	1080
03	Manufacturing plastic products (Not operating at the headquarters).	2220
04	Manufacture of primary plastics and synthetic rubber Details: Manufacture of primary plastic granules (not operating at the headquarters).	2013
05	Activities that directly support water transport services. Details: Port operations, mooring buoys.	5222 (Main)
06	Business of real estate, land use rights belonging to the owner, user or lessee. Details: Warehouse and office rental business. House business	6810
07	Wholesale of other machinery, equipment and spare parts	4659

	Details: Import and export of machinery, equipment, and spare parts. Wholesale of marine equipment.	
08	Wholesale of other household goods Details: - Wholesale of household electrical appliances, lamps and lighting fixtures; - Wholesale of beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture; - Wholesale of plastic household goods.	4649
09	Manufacture of building materials from clay Details: Manufacture of floor tiles and wall tiles (not operating at the headquarters)	2392
10	Manufacture of other ceramic products (Not operating at the headquarters)	2393
11	Manufacture of cement, lime, and gypsum (Not operating at the headquarters)	2394
12	Extraction of stone, sand, gravel, and clay. (Not operating at the headquarters)	0810
13	Road freight transport Details: Containerized road freight transport, freight transport by automobiles (excluding liquefied gas for transport)	4933
14	Coastal and ocean freight transport	5012
15	Inland waterway freight transport	5022
16	Wholesale of foods Details: Trading in vegetable and fruit seeds, processed vegetable and fruit products, agricultural and seafood products, direct import and export: vegetables, fruits, vegetable and fruit seeds; vegetable and fruit products, agricultural, forestry, and aquatic products.	4632
17	Other specialized wholesale not elsewhere classified Details: - Import and export of ornamental plants, spices, handicrafts, consumer goods, and chemical raw materials; - Wholesale of handicrafts and art products; - Wholesale of plastic granules and raw materials for the plastics industry. - Wholesale of ships and containers.	4679
18	Wholesale of automobiles and other motor vehicles. Details: Import and export of transport vehicles.	4661
19	Loading and unloading goods	5224

	Details: Loading and unloading services. Loading and unloading goods. (excluding cargo handling at airports).	
20	Packaging services Details: Packaging of goods for import and export (excluding packaging of plant protection products).	8292
21	Other real estate activities on a fee or contract basis	6829
22	Logging Details: Logging of planted forests (not operating at the headquarters)	0220
23	Other support services related to transportation Details: Shipping agents and maritime brokers. Shipping agency services. Sea freight forwarding agency services. Goods delivery and receipt. Activities of customs clearance agents. (excluding liquefaction of gas for transport and activities related to air transport)	5229
24	Financial service support activities not classified anywhere. Details: Investing in the construction of infrastructure for residential and industrial areas.	6619
25	Construction of other civil engineering works Details: Construction of civil and industrial buildings.	4299
26	Forest planting, forest care, and forestry seedling cultivation. (Not operating at the headquarters)	0210
27	Retail of household electrical appliances, beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture, lamps and electric lighting fixtures, and other household goods not elsewhere classified. Details: - Retail of beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture; - Retail of plastic household goods.	4759
28	Tour operator Details: Domestic and international travel business.	7912
29	Retail of other new goods (excluding automobiles, motorcycles, and their accessories) Details: Retail of souvenirs, wickerwork, and handicrafts.	4773
30	Processing and preserving fruits and vegetables Details: Processing of agricultural, forestry, and aquatic products (excluding processing at the headquarters).	1030
31	Wholesale of metals and metal ores Details: Wholesale of iron and steel.	4672
32	Wholesale of agricultural and forestry raw materials (excluding wood, bamboo, and rattan) and live animals; details:	4620

	- Buying and selling forest products; - Wholesale of feed and feed ingredients for livestock, poultry, and aquaculture (not operating at the headquarters).	
33	Rental of machinery, equipment and other tangible goods without operators. Details: Lease of ships, marine equipment, and containers.	7730
34	Commodity agents, brokers, auctioneers Details: Agents for vegetable and fruit seeds, processed vegetable and fruit products, agricultural and seafood products; machinery, equipment and consumer goods.	4610
35	Wholesale of other building materials and installation equipment. Details: Wholesale of building bricks, roof tiles, stone, sand, gravel, paving tiles, and sanitary ware. Wholesale of bamboo, rattan, timber and processed wood.	4673
36	Enterprises must strictly comply with legal regulations on land, construction, fire prevention and fighting, environmental protection, other current legal provisions, and business conditions for conditional business lines.	Lines of business not yet mapped to the Vietnam Standard Industrial Classification (VSIC).

Tax Registration Information:

No.	Tax registration criteria
1	Information on the Director (General Director): Full name of the Director (General Director): Telephone:
2	Information on the Chief Accountant/ Accountant-in-Charge: Full name of the Chief Accountant/ Accountant-in-Charge: TRUONG THI HAI YEN Telephone: 0983060674
3	Address for receiving tax notices: No. 1 Nguyen Van Quy Street, Phu Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam Telephone: 028 37731120 Fax: 028 38733342 Email: ketoanvgp2011@yahoo.com.vn
4	Accounting method: Independent accounting
5	Fiscal year: Applied from January 1 to December 31
6	Total number of employees: 34
7	VAT calculation method:

Recipients:

- VEGEPORT JOINT STOCK COMPANY
Address: No. 1 Nguyen Van Quy Street, Phu Thuan
Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Filing: Le Anh Phuong

FOR AND ON BEHALF OF THE HEAD OF
DEPARTMENT
DEPUTY HEAD OF DEPARTMENT

(signed and sealed)

Vo Cam Tu